

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 18 - 5- 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Thương.
2. Bà Kiều Việt Phương.

Thư ký tòa án: Ông Trần Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Võ Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021, về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn NL, xã HN, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ Ở hiện nay: Thôn Q, xã HD, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Vũ Anh D, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn NL, xã HN, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2021, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Vũ Anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện NH vào ngày 29/11/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sự việc đã được đôi bên gia đình khuyên giải nhưng không

thành. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên yêu cầu được ly hôn đối với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đông Q1, sinh ngày: 25/10/2013, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nhận nuôi dưỡng cháu Q1, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Tại bản trình bày ngày 06/4/2021 anh Phạm Vũ Anh D trình bày: Tôi và cô T kết hôn năm 2012, nay tôi không muốn ly hôn vì không muốn con không có Cha, có mẹ, thiếu thốn về tình cảm.

Nếu ly hôn tôi yêu cầu nuôi con không, yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Phạm Vũ Anh D.

Giao con chung của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Vũ Anh D là cháu Phạm Nguyễn Đông Q1, sinh ngày 25/10/2013 cho chị T nuôi dưỡng giáo dục. Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Vũ Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện NH thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Vũ Anh D tổ chức cưới nhau vào năm 2012 nhưng đến ngày 29/11/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã HN, huyện NH theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được UBND xã HN, huyện NH cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh D chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của anh D tại xã HN, huyện NH, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh D có hành động đánh chị Thuần, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị T, anh D không thể chung sống, từ tháng 01/2021 chị T bỏ về nhà Cha mẹ để sinh sống cho đến nay. Anh D không đồng ý ly hôn vì không muốn con sống thiếu cha, mẹ và thiếu thốn tình cảm.

Tòa án đã đã hòa giải nhưng chị T cương quyết xin ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T, anh D có mâu thuẫn, anh D trong cuộc sống vợ chồng không tôn trọng chị T, xét thấy tình cảm vợ chồng của chị T, anh D không còn nên cần cho chị T ly hôn với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh D có một con chung tên Phạm Nguyễn Đông Q1, sinh ngày: 25/10/2013. Khi ly hôn, chị T, anh D đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy, hiện nay cháu Q1 còn nhỏ, chị T có công việc ổn định về thời gian và thu nhập còn anh D khai rằng anh làm thợ cơ khí, theo lời trình bày của anh thỉnh thoảng mới phải anh phải đi làm ăn xa; cháu Q1 có nguyện vọng được ở với chị T khi Cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo về tình cảm, tinh thần cho cháu Q1 nên cần giao cháu Q1 cho chị T nuôi dưỡng giáo dục, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con đây là quyền quyết định của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh D được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Vũ Anh D.

Về con chung: Anh Phạm Vũ Anh D phải giao cháu Phạm Nguyễn Đông Q1, sinh ngày: 25/10/2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng giáo dục, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Vũ Anh D có quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004710, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- UBND xã HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam